TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ - ST
Ngày 21-01-2026
V/v ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Luân và bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên toà*: Ông Vũ Bá Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2025/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST-DS ngày 14/01/2026, giữa:

- *Nguyên đơn:*Anh Trần Quang H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường L, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường L, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Trần Quang H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường L, tỉnh Ninh Bình) ngày 01 tháng 3 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn to tiếng, cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2024 cho đến nay, không quan tâm đến nhau, ai thích làm gì thì làm. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Chị Nguyễn Thị H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng anh Trần Quang H, chị Nguyễn Thị H có 04 con chung là cháu Trần Thị Hương G, sinh ngày 01/10/2007, cháu Trần Thị Mai P, sinh ngày 20/6/2009, cháu Trần Nguyễn Quang H, sinh ngày 12/7/2011 và cháu Trần Thu H, sinh ngày 29/12/2013, hiện nay cháu Giang đã đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Khi ly hôn nguyện vọng của anh H xin được nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, cháu H và cháu H cho dến khi đủ 18 tuổi, lao động tự lập được, không yêu cầu chị Hùy phải cấp dưỡng cho con.

Về con riêng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Anh Hải không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Về công sức đóng góp, diện tích đất nông nghiệp: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Quang H. Xử ly hôn giữa anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Mai P, sinh ngày 20/6/2009, cháu Trần Nguyễn Quang H, sinh ngày 12/7/2011 và cháu Trần Thu H, sinh ngày 29/12/2013 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của anh H. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh Trần Quang H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung đối với chị Nguyễn Thị H. Nơi cư trú: Tổ dân phố T,

phường L, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình. Chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường L, tỉnh Ninh Bình) ngày 01 tháng 3 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2024 cho đến nay, không quan tâm đến nhau, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng anh H, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H xin ly hôn chị H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Anh H và chị H có 04 con chung là Trần Thị Hương G, sinh ngày 01/10/2007, cháu Trần Thị Mai P, sinh ngày 20/6/2009, cháu Trần Nguyễn Quang H, sinh ngày 12/7/2011 và cháu Trần Thu H, sinh ngày 29/12/2013. Do hiện nay cháu G đã đủ 18 tuổi, lao động tự lập được anh Hkhông yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với các cháu P, cháu H, cháu H còn đang đi học, ý kiến của cháu P, cháu H, cháu H đều xin được ở với bố và nguyện vọng của anh H khi ly hôn xin được nuôi cả ba cháu, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con. Xét yêu cầu nuôi con của anh H là tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con riêng: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Hải phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Mai P, sinh ngày 20/6/2009, cháu Trần Nguyễn Quang H, sinh ngày 12/7/2011 và cháu Trần Thu H, sinh ngày 29/12/2013 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của anh H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001809 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. (Anh H đã nộp đủ).

4. Quyền kháng cáo: Anh Trần Quang H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Nguyệt